

Số : 115 /KH-THHN-ĐBP

Mường Thanh, ngày 01 tháng 6 năm 2021

**KẾ HOẠCH**  
**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG**  
**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Căn cứ Luật số 43/2019/QH14 về Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ NQ số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 4/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và của đơn vị, Trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Bối cảnh ra đời**

Xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021- 2025 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Hiệu trưởng cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường.

Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của Trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đổi mới căn bản, phát triển toàn diện giáo dục, góp phần đưa sự nghiệp giáo dục xã nhà phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước khu vực và thế giới.

## **2. Chức năng nhiệm vụ của nhà trường**

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình GDPT cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

## **3. Quá trình hình thành và phát triển nhà trường.**

Trường tiểu học Hà Nội-Điện Biên Phủ thành lập ngày 21/11/1994 theo quyết định số 583/QĐ-UB-TC của UBND tỉnh Lai Châu về việc đổi tên trường PTCS thị trấn huyện Điện Biên thành trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ.

Trải qua 27 năm phấn đấu và trưởng thành nhà trường không ngừng phát triển, từng bước ổn định và đi vào hoạt động có hiệu quả, khẳng định được vị thế của mình trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ và của tỉnh Điện Biên.

Với mục tiêu đổi mới toàn diện, đáp ứng yêu cầu sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thầy và trò trường tiểu học Hà Nội-Điện Biên Phủ đã không ngừng lao động sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng nhà trường là một điểm sáng về công tác giáo dục.

Sự nỗ lực quyết tâm phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và các thế hệ học sinh, trường tiểu học Hà Nội-Điện Biên Phủ đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là Trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2005; UBND tỉnh Điện Biên công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2013; Nhiều năm được UBND tỉnh công nhận Tập thể LĐXS, tặng Bằng khen và Cờ thi đua xuất sắc; Bộ GD&ĐT, Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc; Công đoàn cơ sở được LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen; Chi bộ nhà trường liên tục đạt chi bộ “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu” được Đảng ủy phường Mường Thanh tặng giấy khen; Nhiều cá nhân được UBND tỉnh tặng bằng khen.

Trường có một chi bộ đảng trực thuộc Đảng bộ phường Mường Thanh.

Tổng diện tích của nhà trường: 6031.9 m<sup>2</sup>

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của trường đảm bảo cho việc dạy và học, có đủ sân chơi bãi tập với diện tích 2550 m<sup>2</sup>, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn.

#### **4. Thành tích đạt được.**

Trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ trong những năm gần đây đã khẳng định được vị trí trong ngành giáo dục của thành phố Điện Biên Phủ, được học sinh và phụ huynh học sinh tin cậy.

Trường được công nhận lại chuẩn Quốc gia mức độ II năm 2018.

Trường được công nhận Kiểm định Chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2018.

Tập thể trường đạt tập thể lao động xuất sắc từ năm 2014 cho đến nay và nhận được nhiều Bằng khen, cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh Điện Biên.

Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý đảm bảo số lượng, có trình độ chuyên môn trên chuẩn, có năng lực lãnh đạo điều hành, biết phát huy dân chủ cơ sở để tổ chức các hoạt động của nhà trường một cách đồng bộ hiệu quả, được sự tin nhiệm của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Đội ngũ giáo viên vượt chuẩn về trình độ, có năng lực chuyên môn tốt, thân thiện và có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác; tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, được học sinh tin yêu, phụ huynh tin nhiệm. Cụ thể: GVG: Cấp trường: 47/47 đạt 100%; cấp TP: 16/47 đạt 34%; cấp tỉnh: 6/47 đạt 12,8%

Môi trường giáo dục ngày tốt hơn, trường lớp khang trang, sạch đẹp, nề nếp, kỷ cương của nhà trường được giữ vững và phát huy, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức đều đặn và ngày càng phong phú.

Chất lượng dạy học được duy trì và ngày một nâng cao. Tỷ lệ học sinh lên lớp, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, học sinh được khen thưởng năm sau cao hơn năm trước.

## **5. Nhu cầu phát triển của nhà trường đáp ứng nhiệm vụ được giao và hội nhập quốc tế.**

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường là quá trình kế thừa phát huy và phát triển kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn đến năm 2025, nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của cán bộ quản lý cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường để phấn đấu vươn lên.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đoạn 2020-2025 của Trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài nhằm phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới.

## **6. Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương**

Phường Mường Thanh nằm ở vị trí trung tâm về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Điện Biên và thành phố Điện Biên Phủ. Diện tích tự nhiên 168,11ha, có 15 tổ dân phố với 2.894 hộ và 11.264 nhân khẩu, có 13 dân tộc anh em sinh sống, 274 cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp đóng trụ sở, mở văn phòng đại diện trên địa bàn. Đảng bộ phường có 23 chi bộ với 1.006 Đảng viên.



Trong những năm qua, tình hình chính trị, an ninh trật tự, an toàn xã hội, kinh tế - văn hoá xã hội của địa phương ổn định, cán bộ nhân dân đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, từng bước phát triển theo chiều hướng tích cực. Nhận thức về vai trò của giáo dục của cộng đồng dân cư ngày càng tiến bộ, mọi gia đình đều quan tâm tới việc học tập của con em.

Khoa học công nghệ ngày càng được ứng dụng, phát triển mạnh và được vận dụng khá rộng rãi trong cuộc sống hàng ngày đem lại hiệu quả thiết thực, nhu cầu cho việc học tập của học sinh đòi hỏi đáp ứng ngày càng cao và mở rộng ra trên các lĩnh vực.

Kinh tế mũi nhọn là thương mại, dịch vụ du lịch. Cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng, đời sống vật chất của cán bộ nhân dân trong phường ngày càng được nâng lên, tỉ lệ hộ nghèo giảm, không còn hộ đói.

Sự nghiệp giáo dục của phường liên tục phát triển trong những năm qua nhờ có hệ thống trường lớp ổn định cơ sở vật chất trang thiết bị được đầu tư, trình độ chuyên môn của đội ngũ nhà giáo được nâng cao thông qua nhiều hình thức đào tạo: chuyên tu, tại chức,... quy mô mạng lưới trường, lớp và học sinh tăng, con em đồng bào dân tộc được tạo điều kiện học tập.

## **II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾT QUẢ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG.**

### **1. Những ưu điểm**

#### **1.1. Tổ chức và quản lý nhà trường:**

Trường Tiểu học Hà Nội-Điện Biên Phủ có Cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm: hội đồng trường; 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; 05 tổ chuyên môn; 01 tổ văn phòng; 30 lớp với 1248 học sinh.

Các tổ chuyên môn của trường hoạt động tích cực, nền nếp sinh hoạt tốt, đã thực sự phát huy được hiệu quả khi triển khai các hoạt động giáo dục từ nhiều năm nay. Bộ phận Văn phòng với biên chế đầy đủ đã thực hiện tốt các nhiệm vụ, chức năng được giao. Công tác quản lý và triển khai các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh được tiến hành theo một nền nếp khoa học, có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Chế độ thông tin và báo cáo được thực hiện đều đặn. Hằng năm,

trường đã triển khai một cách thường xuyên, hiệu quả công tác tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng lý luận chính trị để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong đơn vị.

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu các tổ chức theo quy định; Công tác tổ chức quản lý của BGH có tầm nhìn khoa học, sáng tạo. Kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn có tính khả thi, sát thực tế. Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới; được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

### **1.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

Ban Giám hiệu gồm 3 đồng chí: 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng (03 đ/c có trình độ chuẩn), các đồng chí trong BGH nhiệt tình, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước tập thể và cấp trên. Đoàn kết, năng động quyết tâm xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch chiến lược đã đề ra.

Ban giám hiệu có tầm nhìn khoa học, sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn đảm bảo tính khả thi, sát thực tế. Công tác triển khai sâu rộng, đổi mới tạo được sự đồng thuận, tin tưởng cao trong cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.. Biết phát huy dân chủ trong trường học.

Giáo viên và nhân viên nhà trường: 56 đ/c. Trong đó: Giáo viên: 46 đ/c. Nhân viên: 07 đ/c.

Trình độ chuyên môn: 94,6 % đạt chuẩn.

Đảng viên 46 đ/c - Nữ 43 đ/c

Giáo viên dạy giỏi: Cấp tỉnh: 6 đ/c, cấp thành phố 16 đ/c; cấp Trường 46 đ/c.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, luôn mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

### **1.3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học:**

	<b>Diện tích đất</b>	<b>Số lượng (m<sup>2</sup>)</b>
	Tổng diện tích khuôn viên đất	<b>6031.9</b>
	Trong đó: Diện tích đất được cấp	<b>6031.9</b>
	Diện tích đất đi thuê (mượn)	
	Diện tích sân chơi	<b>2550</b>
	Diện tích bãi tập	

	Phòng	TS	Trên cấp 4		Cấp 4		Dưới cấp 4		Mượn	
			Số	Diện tích	Số	Diện tích	Số	Diện tích	Số	Diện tích
			lượng	(m <sup>2</sup> )	lượng	(m <sup>2</sup> )	lượng	(m <sup>2</sup> )	lượng	(m <sup>2</sup> )
1	- Phòng học văn hoá	30			30	1566				
2	- Phòng học tin học	1			1	48				
3	- Phòng học ngoại ngữ	1			1	48				
4	- Phòng giáo dục thể chất	0								
5	Văn phòng - phòng hội đồng	1			1	140				
6	- Phòng giáo dục nghệ thuật	0								
7	- Phòng giáo dục mỹ thuật	1			1	16				
8	- Phòng giáo dục âm nhạc	1			1	16				
9	- Phòng Thư viện	1			1	80				
10	- Phòng thiết bị giáo dục	0								
11	- Phòng truyền thống &Đội	1			1	16				
12	- Phòng hỗ trợ học sinh KT	1			1	16				
13	- Phòng y tế học đường	1			1	16				
14	- Phòng hiệu trưởng	1			1	16				
15	- Phòng phó hiệu trưởng	2			2	32				
16	- Phòng giáo viên	1			1	16				
17	- Phòng hành chính	0								
18	- Phòng thường trực - Bảo vệ	1			1	16				
19	- Nhà công vụ giáo viên	0								
20	- Phòng kho lưu trữ	3			3	36				
21	- Nhà bếp	1			1	80				
22	- Phòng ăn (HS)	0								
23	- Phòng ở cho học sinh nội trú	0								
24	- Phòng khác	0								
25	- Nhà để xe	2					2			
	Nhà vệ sinh	Tổng số	Dùng cho GV Nam		Dùng cho GV nữ		Dùng cho HS nam		Dùng cho HS nữ	
			Số	Diện tích	Số	Diện tích	Số	Diện tích	Số	Diện tích
			lượng	(m <sup>2</sup> )	lượng	(m <sup>2</sup> )	lượng	(m <sup>2</sup> )	lượng	(m <sup>2</sup> )
	Đạt chuẩn vệ sinh (*)	4	1	12	1	12	1	24	1	24
	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0								
	Điểm trường không có nhà VS	0								

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu dạy và học trong giai đoạn hiện tại.

Thiết bị dạy học 30/30 lớp đảm bảo đủ 1 bộ trên một lớp.

Trang thiết bị CSVC của nhà trường cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học theo quy định của trường chuẩn.

Trường có hệ thống kết nối Internet, có công thông tin, địa chỉ e mail, có nhóm Zalo công việc... nên việc cập nhật thông tin, báo cáo kịp thời, chính xác. 100 % cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng địa chỉ e mail để liên hệ.

#### 1.4 Tham mưu phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục:

Chi bộ Đảng, Hội đồng trường lãnh đạo, chỉ đạo nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục.

Các tổ chức đoàn thể thường xuyên tham mưu, phối hợp với chính quyền thực hiện tốt các hoạt động giáo dục của nhà trường, kịp thời, sát thực, có tính thống nhất cao.

#### 1.5. Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục:

##### a) Về phía giáo viên:

Tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn do Sở giáo dục, Phòng giáo dục tổ chức.

GV dạy giỏi cấp tỉnh: 06 đ/c; gv dạy giỏi cấp Thành phố: 16 đ/c.

##### b) Về phía học sinh:

#### Kết quả đánh giá xếp loại cuối năm 2020 – 2021

##### \* Chất lượng môn Toán và Tiếng Việt lớp 1 năm học 2020-2021

TT	Môn học	Tổng số học sinh	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		CHT	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Tiếng Việt	245	224	91.4	21	8.6	0	
2	Toán	245	225	91.8	20	8.2		

##### \* Chất lượng môn Toán và Tiếng Việt lớp 2,3,4,5 năm học 2020-2021

TT	Môn học	Tổng số học sinh	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	%	SL	%	SL	%



1	Tiếng Việt	1003	628	62.6	375	37.4		
2	Toán	1003	636	63.4	367	36.6		

**Kết quả về năng lực:**

**Khối 1:**

**\* Kết quả về năng lực chung:**

TT	Năng lực	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Tự chủ và tự học	245	236	96.3	9	3.7		
2	Giao tiếp hợp tác	245	238	97.1	7	2.9		
3	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	245	232	94.7	13	5.3		

**\* Kết quả về năng lực đặc thù:**

TT	Năng lực	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Ngôn ngữ	245	240	98	5	2		
2	Tính toán	245	236	96.3	9	3.7		
3	Khoa học	245	238	97.1	7	2.9		
4	Thâm mĩ	245	242	98.8	3	1.2		
5	Thể chất	245	242	98.8	3	1.2		

**\* Kết quả về phẩm chất:**

TT	Phẩm chất	Tổng số học sinh	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Yêu nước	245	245	100				
2	Nhân ái	245	245	100				
3	Chăm chỉ	245	244	99.6	1	0.4		

3	Trung thực	245	245	100				
4	Trách nhiệm	245	245	100				

**Khối 2,3,4,5:**

**\* Kết quả về Năng lực**

TT	Năng lực	Tổng số học sinh	Tốt		Đạt		CCG	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Tự phục vụ, tự quản	1003	911	90.8	92	9.2		
2	Hợp tác	1003	880	87.7	123	12.3		
3	Tự học và giải quyết vấn đề	1003	902	89.9	101	10.1		

**\* Kết quả về phẩm chất**

TT	Phẩm chất	Tổng số học sinh	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Chăm học, chăm làm	1003	920	91.7	83	8.3		
2	Tự tin, trách nhiệm	1003	956	95.3	47	4.7		
3	Trung thực, kỉ luật	1003	982	97.9	21	2.1		
4	Đoàn kết, yêu thương	1003	978	97.5	25	2.5		

- Giao lưu các cuộc thi cấp trường:

Chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11: 30 sản phẩm tham gia dự thi, đạt giải: 30 sản phẩm; Thi tiếng hát học sinh cấp trường: Kết quả: 30 giải; Thi rung chuông vàng môn Tiếng Anh: Kết quả: 3 giải. Thi hùng biện tiếng Anh cấp trường. Kết quả: 21 giải; Thi tiếng Anh trên Internet cấp trường. Kết quả: 136 giải; Thi Toán trên Internet cấp trường. Kết quả: 508 giải. Thi Viết chữ đẹp cấp trường. Kết quả: 322 giải; Thi Trạng Nguyên cấp trường. Kết quả: 472 giải; Toán tuổi thơ cấp trường 184 giải: Khối 1 36 giải; Khối 2 cá nhân 39 giải; Khối 3 có 45 giải; Khối 4 cá nhân 31 giải; Khối 5 có 33 giải; Giải đồng đội 28 giải:

- Giao lưu Toán tuổi thơ cấp thành phố:

Khối 4: Giải Đồng đội: 01 giải Nhất. Giải Cá nhân: 03 giải Nhất; 02 giải Nhì; 03 giải Ba; 03 giải KK.

Khối 5: Giải Đồng đội: 02 giải Ba. Giải Cá nhân: 01 giải Nhì; 06 giải Ba; 05 giải KK.

- Thi Toán Violimpic cấp Quốc Gia: 05 giải Bạc; 05 giải Đồng; 13 giải KK;

- Tổ chức cho học sinh Vẽ tranh "Ý tưởng trẻ thơ" với 1246 bài dự thi; Tổ chức viết thư quốc tế UPU dành cho học sinh khối 4; 5 với 465 bài dự thi.

- Học sinh tham gia hội khỏe cấp tỉnh đạt 13 giải: 08 giải Nhất; 02 giải Nhì; 03 giải Ba.

## **2. Những hạn chế, yếu kém**

### **2.1 Tổ chức và quản lý của Ban Giám hiệu: Không**

### **2.2 Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:**

Ban giám hiệu năng lực ngoại ngữ còn hạn chế nên việc kiểm tra chuyên môn đối với bộ môn này còn gặp khó khăn.

Chưa chủ động tuyển chọn được nhiều giáo viên có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm do cơ chế ràng buộc.

Đánh giá chất lượng năng lực GV nhiều khi còn mang tính động viên, phân công công tác đôi lúc chưa phù hợp với năng lực, trình độ, khả năng của một số GV.

Một bộ phận nhỏ giáo viên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu giảng dạy hoặc quản lý, giáo dục học sinh.

Năng lực Ngoại ngữ, Tin học của một số giáo viên còn hạn chế, gặp khó khăn trong công tác cũng như ứng dụng CNTT trong dạy học của giáo viên.

Nhà trường còn 03 giáo viên trình độ chuyên môn dưới chuẩn đang theo học các lớp Đại học (1 đồng chí), 2 đồng chí về hưu năm 2022.

### **2.3 Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học:**

Sân chơi, bãi tập, hệ thống cổng, tường rào,... các phòng học đang xuống cấp nghiêm trọng do xây dựng từ rất lâu gây mất an toàn.

Một số phòng học chức năng: Phòng giáo dục nghệ thuật, phòng thể chất... diện tích hẹp.

### **2.4 Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục:**

Một số học sinh còn chậm về các kỹ năng đọc, viết, tính toán, kỹ năng Tự phục vụ, tự quản, Tự học và giải quyết vấn đề.

## **3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém**

Một số người dân chủ yếu là buôn bán, ngành nghề không ổn định, người

già nghỉ hưu, mức thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, một bộ phận dân cư thiếu sự quan tâm đến giáo dục nhất là việc học tập của con em nên có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chung của từng lớp và nhà trường, một số học sinh chưa có ý thức tự giác học tập, việc rèn luyện còn hạn chế. Một số phụ huynh ít quan tâm đối với việc học của học sinh. Môi trường xã hội còn nhiều phức tạp ảnh hưởng đến việc phát triển nhân cách cho học sinh.

Thực hiện Luật giáo dục 2019 nhà trường còn 03 giáo viên có trình độ chuyên môn dưới chuẩn (Cao đẳng)

Một số giáo viên chưa thực sự cố gắng trong công tác. Ý thức tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của bản thân chưa cao.

Nhà trường được xây dựng từ năm 1985 nên việc thiết kế nhiều hạng mục chưa phù hợp và đã xuống cấp gây mất an toàn.

#### **4. Các vấn đề cần giải quyết trong giai đoạn 2021-2025**

Đổi mới lãnh đạo và quản lý nhà trường do yêu cầu phải phát triển giáo dục để đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời kì hội nhập và cơ chế thị trường của đất nước và thế giới. Trọng tâm của giai đoạn này là tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lí nhà trường, nhất là tăng cường năng lực đổi mới về tư duy, phương thức và cơ chế quản lí giáo dục, năng lực ngoại ngữ và tin học để quản lý toàn diện các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Chủ động bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh; Đẩy mạnh các hoạt động phong trào thi đua trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thiết thực, đạt hiệu quả cao.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh. Đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Tăng cường giáo dục rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh, tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm, giáo dục và giao lưu để các em có khả năng thích ứng với môi trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Huy động các nguồn lực trong xã hội phát triển nhà trường, vì đây là yếu tố khách quan quyết định thành công của nhà trường. Trọng tâm của giai đoạn này là



ngoài việc đẩy mạnh các biện pháp huy động nhân lực, vật lực, tài lực, tin lực từ nội tại bên trong thì phải có biện pháp tăng cường việc huy động các nguồn lực còn phong phú từ bên ngoài nhà trường để tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường phát triển ổn định và bền vững.

### **III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC**

#### **1. Tâm nhìn**

Đến năm 2025, Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ phấn đấu trường có cơ sở vật chất khang trang, an toàn được đầu tư xây mới, nâng cấp đảm bảo phục vụ tốt cho công tác dạy học và an toàn học đường. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, 100% đạt trình độ chuẩn trở lên, có năng lực chuyên môn tốt, thân thiện với học sinh và trường duy trì đạt chuẩn Quốc gia mức độ II và thẩm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 để mỗi học sinh có kiến thức và phát triển toàn diện Đức, trí, thể, mỹ, mạnh dạn, tự tin biết giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống.

#### **2. Sứ mệnh**

Xây dựng chiến lược phát triển Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ nhằm tạo dựng được môi trường học tập nền nếp, kỷ cương và có chất lượng cao. Giáo dục học sinh tính năng động, sáng tạo, tự chủ, sống biết chia sẻ, có trách nhiệm và hòa nhập tốt trong cộng đồng, có khả năng giải quyết vấn đề, vượt qua rào cản tâm lý để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Học sinh biết ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào trong cuộc sống.

#### **3. Giá trị cốt lõi**

Nhà trường đẩy mạnh công tác tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, tăng cường tuyên truyền, giáo dục tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo; tình thương yêu, lòng tự trọng, nhân ái, bao dung độ lượng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhằm tổ chức tốt các hoạt động giáo dục toàn diện, giáo dục kỹ năng sống thân thiện, khôn khéo và khát vọng vươn lên; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, bồi dưỡng và phấn đấu có nhiều học sinh năng khiếu, nâng cao hiệu quả đào tạo.

Nâng cao chất lượng tổ chức các cuộc họp, phát huy dân chủ cơ sở, để xây dựng các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường ngày một vững mạnh.

Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

### **IV. MỤC TIÊU**

Đến năm 2025 nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

### ***1.1 Phát triển trường chất lượng cao:***

Triển khai tốt Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Chỉ đạo giáo viên tập trung đổi mới phương pháp và kỹ thuật dạy học, hướng dẫn học sinh cách học, cách tìm ra kiến thức mới; đổi mới cách đánh giá kết quả học tập của học sinh; chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh năng khiếu; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tế; chú trọng công tác giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Duy trì bền vững các tiêu chuẩn đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ II, Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Tiểu học.

### ***1.2 Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên.***

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn tốt; có trình độ Tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, chia sẻ giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Phấn đấu 100% cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ Đại học trở lên.

### ***1.3 Chất lượng học sinh***

Học sinh có ý thức và trách nhiệm cao trong học tập, có lối sống lành mạnh, trung thực, có năng lực làm việc độc lập và hợp tác, có kỹ năng sống, tích cực hoạt động, ham thích học tập và biết tự học để có kết quả cao. Cùng với việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh đại trà, còn chú trọng đào tạo học sinh có năng khiếu, được bồi dưỡng để phát triển toàn diện.

100 % HS hoàn thành chương trình lớp học.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình bậc Tiểu học 100 %.

Tỷ lệ học sinh được khen thưởng hàng năm đạt ít nhất 70 % trở lên.

#### **1.4 Thư viện và thiết bị dạy học**

Triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động thư viện, thiết bị. Nâng cao nhận thức, tổ chức, quản lý của nhân viên thư viện, thiết bị trường học; sắp xếp, bố trí và quản lý nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị theo đúng chức năng, nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, củng cố và phát triển thư viện, thiết bị trường học phục vụ việc nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường trong thời kỳ mới.

Sửa chữa và bổ sung kịp thời theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu đã ban hành Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, đồng thời quản lý tốt việc sử dụng và bảo quản đồ dùng dạy học.

Khai thác các nguồn lực nhằm tăng cường các TBDH hiện đại, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ thông tin.

Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của viên chức làm công tác TBDH, tiếp tục đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học thông qua các hoạt động làm mới, cải tiến, sửa chữa đồ dùng dạy học; thu thập, tuyển chọn các sản phẩm tốt để lưu giữ, phổ biến, nhân rộng trong toàn trường.

Mua sắm thêm thiết bị dạy học còn thiếu theo đề xuất của giáo viên.

Kiểm tra việc sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên trên lớp.

Nhân viên Thư viện - Thiết bị dựa vào tình hình thực tế của đơn vị trong năm học để xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị. Hiệu trưởng duyệt kế hoạch và đưa vào kế hoạch chung của nhà trường.

Phối hợp với chuyên môn nhà trường tổ chức phong trào tự làm đồ dùng dạy học.

#### **1.5. Cơ sở vật chất:**

Phòng học, phòng làm việc, phòng phục vụ được sửa chữa nâng cấp, đầu tư mua sắm mới bộ đồ dùng dạy học đồng bộ từ lớp 1-5 đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tham mưu Phòng giáo dục, UBND thành phố Điện Biên Phủ đầu tư, xây dựng, nâng cấp sửa chữa tổng thể trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ để đảm bảo an toàn, đảm bảo tốt CSVC phục vụ cho công tác dạy học và các hoạt động giáo dục của nhà trường:

1.5.1. Hệ thống phòng học, các phòng chức năng.

+ Phòng học văn hoá: 30 phòng/ 30 lớp (diện tích 60m<sup>2</sup>/1 phòng)

+ Phòng học Tin học: 02 phòng (diện tích 60m<sup>2</sup>/ 1 phòng)

- + Phòng học Ngoại ngữ: 02 phòng (diện tích 60m<sup>2</sup>/1 phòng)
- + Phòng học Mỹ thuật: 01 phòng (diện tích 60m<sup>2</sup>/1 phòng)
- + Phòng học Âm nhạc: 01 phòng (diện tích 60m<sup>2</sup>/1 phòng)
- + Phòng đa chức năng: 02 phòng (diện tích 60m<sup>2</sup>/1 phòng)
- + Phòng truyền thống: 01 phòng (diện tích 60m<sup>2</sup>/1 phòng)
- + Phòng hoạt động đội: 01 phòng (diện tích 60m<sup>2</sup>/1 phòng)
- + Phòng Giáo viên: 02 phòng (diện tích 40m<sup>2</sup>/1 phòng)
- + Phòng Thiết bị: 01 phòng (diện tích 40m<sup>2</sup>/1 phòng)
- + Phòng Tư vấn - Hỗ trợ học sinh: 01 phòng (diện tích 40m<sup>2</sup>/1 phòng)
- + Nhà đa năng: 01 phòng (diện tích 450m<sup>2</sup>/1 nhà sàn tập 12 x 24m)
- + Phòng Y tế: 01 phòng (diện tích 40m<sup>2</sup>/1 phòng)
- + Nhà ăn: 01 phòng
- + Phòng ngủ: 01 phòng
- + Phòng quản trị hành chính: 05 phòng

#### 1.5.2. Hệ thống bờ rào, cổng trường:

Xây mới hệ thống cổng trường, tường rào xây bao khu vực trường để đảm bảo an toàn cho học sinh.

#### 1.5.3. Hệ thống công trình vệ sinh:

Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất:

- Công trình vệ sinh học sinh:

- + Nam: 20 chậu tiểu, 20 chậu xí, 20 chậu rửa tay.
- + Nữ: 30 chậu xí, 30 chậu rửa tay.

- Công trình vệ sinh GV:

- + Nam: 01 chậu tiểu, 01 chậu xí, 01 chậu rửa tay.
- + Nữ: 03 chậu xí, 02 chậu rửa tay.

#### 1.5.4. Sân chơi bãi tập: Chia 2 khu: Sân chơi riêng và bãi tập.



Tiếp tục đầu tư máy tính và các thiết bị đảm bảo cho việc ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng mạng thông tin quản lý giữa giáo viên, các tổ chuyên môn với Nhà trường liên thông qua hệ thống nội mạng Lan và Internet.

Xây dựng môi trường sư phạm “Xanh - Sạch - Đẹp- An toàn”.

## **2. Mục tiêu ngắn hạn**

**2.1. Năm 2020 – 2021**, Nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

Xây dựng trường, lớp, sạch, đẹp an toàn. Duy trì nâng cao các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ II và kiểm định chất lượng mức độ 3. Giữ vững các tiêu chí chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, Xóa mù chữ mức độ 2.

Nâng cao chất lượng dạy và học đối với lớp 1 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các lớp 2,3,4,5 thực hiện theo mô hình Vnen.

Chuẩn bị mọi điều kiện về nhân lực, tài lực cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn sẵn sàng tâm thế thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 2 năm học 2021-2022.

**2.2. Năm 2021 – 2022**, Nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

Xây dựng trường, lớp, sạch, đẹp an toàn. Duy trì nâng cao các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ II và kiểm định chất lượng mức độ 3. Giữ vững các tiêu chí chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, Xóa mù chữ mức độ 2.

Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2. Quan tâm rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tổ chức các hoạt động tập thể vui chơi, lành mạnh. Tu sửa cơ sở vật chất. Tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn.

**2.3. Năm 2022 – 2023**, Nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

Xây dựng trường, lớp, sạch, đẹp an toàn. Duy trì nâng cao các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ II và kiểm định chất lượng mức độ 3. Giữ vững các tiêu chí chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, Xóa mù chữ mức độ 2.

Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3. Tiếp tục tu sửa, bổ sung cơ sở vật chất. Trang thiết bị đảm bảo cho việc dạy và học. Tham gia đầy đủ có chất lượng các lớp bồi dưỡng về chuyên môn.

**2.4. Năm 2023 – 2024**, Nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

Xây dựng trường, lớp, sạch, đẹp an toàn. Duy trì nâng cao các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ II và kiểm định chất lượng mức độ 3. Giữ vững các tiêu chí chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, Xóa mù chữ mức độ 2.

Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3,4. Tiếp tục tu sửa cơ sở vật chất. Tham gia đầy đủ có chất lượng các lớp bồi dưỡng về chuyên môn.

**2.5. Năm 2024-2025,** Nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

Xây dựng trường, lớp, sạch, đẹp an toàn. Duy trì nâng cao các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ II và kiểm định chất lượng mức độ 3. Giữ vững các tiêu chí chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, Xóa mù chữ mức độ 2.

Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3,4, 5. Tham gia đầy đủ có chất lượng các lớp bồi dưỡng về chuyên môn.

Kiểm tra, đánh giá, tổng kết, công khai kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025 đến Hội đồng giáo dục của trường, cha mẹ học sinh và xã hội, rút kinh nghiệm. Tiếp tục xây dựng chiến lược giai đoạn 2025-2030.

## **V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:**

### **1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tổ chức và quản lý nhà trường:**

Xây dựng tổ chức bộ máy nhà trường có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có tinh thần tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần đoàn kết cao, gương mẫu, tận tụy với nghề. Luôn nêu cao ý thức tự học tự rèn không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nền nếp làm việc khoa học, lối sống lành mạnh, ứng xử giao tiếp văn hóa, được giáo viên, học sinh và phụ huynh tin tưởng.

Chỉ đạo các bộ phận xây dựng đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định đảm bảo tính khoa học, đẹp về hình thức, có chất lượng về nội dung trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện và lưu trữ.

Quản lý chuyên môn đúng theo quy chế, đảm bảo nguyên tắc, phù hợp với thực tế nhà trường, luôn có tính sáng tạo, khoa học, có hiệu quả.

Quản lý tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học minh bạch, công khai, dân chủ, hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích, đạt hiệu quả cao.

Xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ, quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong nhà trường, giữ gìn mối đoàn kết nội bộ. Chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật lao động, đảm bảo nền nếp làm việc, học tập, hội họp khoa học có hiệu quả.

Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường. Thành lập trang web của nhà trường giúp cho việc tuyên truyền các kế hoạch, kết quả công việc của nhà trường công khai để mọi người biết đến và nhận được ý kiến phản hồi, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược.

*\* Người phụ trách:* Chi bộ, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Ban đại diện CMHS, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, giáo viên.

## **2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:**

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có bản lĩnh về phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn giỏi; có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản tiếp cận tốt trong từng lĩnh vực, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết với nghề, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Tăng cường công tác tham mưu đảm bảo đủ GV theo quy định, thực hiện công tác bồi dưỡng gắn với tự bồi dưỡng của từng CB-GV-NV một cách hiệu quả. Ưu tiên việc đào tạo, bồi dưỡng trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ Tin học, Ngoại ngữ cho CB-GV-NV. Chú trọng bồi dưỡng theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

GV chủ động vận dụng các PPDH một cách linh hoạt theo hướng tích cực hoá hoạt động của HS. Sử dụng bài giảng điện tử, ứng dụng CNTT trong dạy học một cách hợp lý và hiệu quả. Đầu tư thời gian, động viên, khích lệ, khen thưởng kịp thời giáo viên cả về vật chất và tinh thần để GV tham gia dự thi các hội thi chuyên môn, nghiệp vụ có hiệu quả.

Các tổ chuyên môn thực hiện thường xuyên việc dự giờ, trao đổi, thảo luận, rút kinh nghiệm cho các thành viên, đặc biệt là các giáo viên trẻ...

Sử dụng thường xuyên, có hiệu quả đồ dùng thiết bị dạy học, tạo thói quen sử dụng ĐDDH trong GV, từ đó có kinh nghiệm trong dạy học và nâng cao hiệu quả tiết dạy.

Thực hiện đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo chuẩn nghề nghiệp, đánh giá viên chức hàng năm một cách khách quan, dân chủ, chính xác; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch một cách khoa học có tầm nhìn dài hạn.

*\* Người phụ trách:* Chi bộ, Ban Giám hiệu, công đoàn, tổ trưởng chuyên môn.

## **3. Đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

Xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.

Tham mưu UBND phường Mường Thanh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà trường:

### 3.1. Hệ thống phòng học, các phòng chức năng.

- + Phòng học văn hoá: 30 phòng/ 30 lớp (diện tích  $60\text{m}^2$ /1 phòng)
- + Phòng học Tin học: 02 phòng (diện tích  $60\text{m}^2$  / 1 phòng)
- + Phòng học Ngoại ngữ: 02 phòng (diện tích  $60\text{m}^2$  /1 phòng)
- + Phòng học Mỹ thuật: 01 phòng (diện tích  $60\text{m}^2$ /1 phòng)
- + Phòng học Âm nhạc: 01 phòng (diện tích  $60\text{m}^2$ /1 phòng)
- + Phòng đa chức năng: 02 phòng (diện tích  $60\text{m}^2$ /1 phòng)
- + Phòng truyền thống: 01 phòng (diện tích  $60\text{m}^2$ /1 phòng)
- + Phòng hoạt động đội: 01 phòng (diện tích  $60\text{m}^2$ /1 phòng)
- + Phòng Giáo viên: 02 phòng (diện tích  $40\text{m}^2$ /1 phòng)
- + Phòng Thiết bị: 01 phòng (diện tích  $40\text{m}^2$ /1 phòng)
- + Phòng Tư vấn - Hỗ trợ học sinh: 01 phòng (diện tích  $40\text{m}^2$ /1 phòng)
- + Nhà đa năng: 01 phòng (diện tích  $450\text{m}^2$ /1 nhà sàn tập 12 x 24m)
- + Phòng Y tế: 01 phòng (diện tích  $40\text{m}^2$ /1 phòng)
- + Nhà ăn: 01 phòng
- + Phòng ngủ: 01 phòng
- + Phòng quản trị hành chính: 05 phòng
- + Hội trường: 01 phòng
- + Phòng thư viện: 01 phòng
- + Nhà bếp: 01 phòng
- + Nhà kho: 01 phòng

### 3.2. Hệ thống bờ rào, cổng trường:



Xây mới hệ thống cổng trường, tường rào xây bao khu vực trường để đảm bảo an toàn cho học sinh.

### 3.3. Hệ thống công trình vệ sinh:

Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất:

- Công trình vệ sinh học sinh:

+ Nam: 20 chậu tiểu, 20 chậu xí, 20 chậu rửa tay.

+ Nữ: 30 chậu xí, 30 chậu rửa tay.

- Công trình vệ sinh GV:

+ Nam: 01 chậu tiểu, 01 chậu xí, 01 chậu rửa tay.

+ Nữ: 03 chậu xí, 02 chậu rửa tay.

### 3.4. Sân chơi bãi tập:

Chia 2 khu: Sân chơi riêng và bãi tập.

Huy động các nguồn đóng góp của các bậc phụ huynh, các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện các sửa chữa nhỏ, xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp. Thường xuyên kiểm tra, thống kê thiết bị, đồ dùng dạy học, phân loại các đồ dùng hư hỏng để có kế hoạch mua sắm, sửa chữa bổ sung các thiết bị theo hướng hiện đại.

**\* Người phụ trách:** BGH, kế toán, nhân viên thiết bị - thư viện, giáo viên.

## **4. Làm tốt công tác tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục.**

Tăng cường công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, từng bước nâng cao cộng đồng trách nhiệm giữa nhà trường, gia đình, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch giáo dục hàng năm.

Huy động các nguồn lực của xã hội, cá nhân, tổ chức, những người có tâm huyết với sự nghiệp giáo dục tham gia vào việc phát triển nhà trường.

Về nguồn lực tài chính:

+ Ngân sách Nhà nước.

+ Ngoài ngân sách “Từ xã hội, PHHS, các hội, cơ quan, tổ chức, cá nhân...”

Nguồn lực vật chất:

+ Khuôn viên, phòng học, phòng làm việc và các công trình phụ trợ.

+ Trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy - học.

Nguồn lực tinh thần: Sự quan tâm về những thành tích mà nhà trường đã đạt được thông qua các cuộc họp, tiếp xúc với phụ huynh hoặc các cuộc họp với Đảng uỷ, chính quyền phường về các vấn đề có liên quan đến giáo dục.

Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng CB-GV-NV, học sinh và PHHS.

*\* Người phụ trách:* BGH, BCH Công đoàn, Ban đại diện CMHS.

## **5. Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục:**

Mở các hội nghị, hội thảo, tham luận, sáng kiến, chuyên đề và các lớp bồi dưỡng cấp trường về các chuyên đề trong các lĩnh vực như: Ứng dụng CNTT trong dạy học; dạy học các môn học văn hoá tích hợp với giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống, giao tiếp; đổi mới phương pháp dạy học tích cực người học, quản lý lớp học bằng các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực, giáo dục bảo vệ môi trường, phong trào dự giờ, viết chuyên đề, sáng kiến...

Thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động và các phong trào lớn của ngành, địa phương gắn với chủ đề của từng năm học.

Ưu tiên trong chỉ đạo công tác bồi dưỡng HS năng khiếu, phụ đạo HS chưa hoàn thành, HS khuyết tật học hoà nhập, giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp cho HS thông qua việc đổi mới phương pháp quản lý lớp học bằng các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực và các hoạt động giáo dục ngoại khóa khác.

Thực hiện có hiệu quả các hoạt động ngoài giờ lên lớp để vừa nâng cao hiệu quả giáo dục nền nếp, đạo đức cho học sinh vừa nhằm thu hút học sinh đến trường. Quan tâm công tác hoạt động ngoại khoá, tham quan du lịch ...

*\* Người phụ trách:* Ban Giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, các đoàn thể.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước:**

Mở các lớp tập huấn bồi dưỡng CB-GV-NV về phương pháp dạy học theo chương trình phổ thông 2018 theo lộ trình từ lớp 1 đến lớp 5.

Mua sắm các thiết bị dạy học đảm bảo cho việc đổi mới phương pháp dạy - học nâng cao chất lượng GD toàn diện.

Tập trung xây dựng CSVC đáp ứng yêu cầu dạy - học thiết thực.

## **2. Kinh phí từ xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.**

Huy động sự ủng hộ từ phía vụ huynh học sinh và các nhà tài trợ nhằm bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho việc dạy và học.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

### **1. Phổ biến kế hoạch chiến lược:**

Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể CB-GV-NV nhà trường, cơ quan chủ quản, các tổ chức đoàn thể, nhân dân...

Đăng tải trên website của nhà trường.

### **2. Trách nhiệm thực hiện:**

#### **2.1. Hội đồng trường:**

Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

#### **2.2. Đối với Hiệu trưởng:**

Tham mưu Đảng ủy phường đưa các chỉ tiêu giáo dục đã được hội đồng trường thông qua vào Nghị quyết Đảng Bộ phường Mường Thanh. Có kế hoạch phối hợp, vận động, tuyên truyền tới các tổ chức, đoàn thể và nhân dân.

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên, PHHS, học sinh. Thành lập Ban chỉ đạo, Ban Kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

#### **2.3. Các tổ chuyên môn và đoàn thể trong nhà trường:**

Các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

Các đoàn thể trong nhà trường căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức xây dựng kế hoạch, chương trình hành động sát với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch này.

#### **2.4. Đội ngũ giáo viên, nhân viên:**

Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác của bộ phận, cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

### **2.5. Học sinh:**

Học sinh tích cực học tập, rèn luyện bản thân vượt khó, vươn lên trong cuộc sống. Tích cực tham gia các hoạt động rèn kỹ năng sống, Phần đầu trở thành những học sinh phát triển toàn diện.

### **2.6. Ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh học sinh:**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường phổ biến, triển khai chiến lược của nhà trường trong các phiên họp cha mẹ học sinh. Đóng góp các giải pháp, phối hợp và hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

Hỗ trợ tinh thần, vật chất giúp nhà trường hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển từng giai đoạn của Kế hoạch chiến lược.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Ban chỉ đạo nhà trường sẽ chủ động tham mưu cho các cấp và có ý kiến đề xuất kịp thời điều chỉnh kế hoạch chiến lược phù hợp với thực tế của địa phương để đạt được mục tiêu của chiến lược đã đề ra.

## **VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Với Phòng Giáo dục và Đào tạo:**

Phê duyệt và tạo điều kiện tốt cho nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược.

Hỗ trợ, hướng dẫn về cơ chế chính sách, giúp nhà trường về công tác tham mưu với UBND thành phố để được ưu tiên về mặt tài chính, nhân lực nhằm thực hiện các mục tiêu của kế hoạch chiến lược.

### **2. Với Ủy ban nhân dân Thành phố:**

Tham mưu với UBND thành phố Điện Biên Phủ đầu tư, xây dựng, nâng cấp sửa chữa tổng thể trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ để đảm bảo an toàn cho CBGV-NV và HS nhà trường. Quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ để đảm bảo quy mô và an toàn trường học.

Hỗ trợ tài chính hoạt động, nguồn nhân lực và đầu tư xây dựng CSVC nhà trường theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.

Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021 - 2025 là tâm huyết và trí tuệ của cả tập thể nhằm phấn



đầu xây dựng và phát triển nhà trường ngày càng tốt hơn, tạo niềm tin cho học sinh, phụ huynh, nhân dân và các cấp ủy, chính quyền địa phương, là văn bản định hướng cho sự phát triển của nhà trường, trên cơ sở đó từng tổ chức và cá nhân trong trường xây dựng, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với sự phát triển chung của nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2021-2025. Kính trình lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ phê duyệt để nhà trường có căn cứ triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- Đảng ủy phường;
- HĐND, UBND phường;
- Thành viên Hội đồng trường;
- Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Lưu VP.

**P.HIỆU TRƯỞNG**



**PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Nữ Minh Trung*



### Thống kê số lớp, học sinh giai đoạn 2021-2025

Biểu số 01

Khối lớp	Năm học									
	2020-2021		2021 - 2022		2022 - 2023		2023 - 2024		2024 - 2025	
	Số lớp	HS	Số lớp	HS	Số lớp	HS	Số lớp	HS	Số lớp	HS
Lớp 1	6	245	6	241	6	240	6	245	6	240
Lớp 2	6	255	6	245	6	241	6	240	6	245
Lớp 3	7	283	6	255	6	245	6	241	6	240
Lớp 4	6	246	7	283	6	255	6	245	6	241
Lớp 5	5	219	6	246	7	283	6	255	6	245
<b>Cộng</b>	30	1248	31	1270	31	1264	31	1226	31	1221

\* Học sinh dân tộc thiểu số

TT	Nội dung	Năm học					Ghi chú
		2020-2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	
1	Tổng số HSDTTS	135	137	132	136	131	
	Nữ DTTS	71	63	68	58	59	
	- Khối lớp 1	16	12	13	10	8	
	- Khối lớp 2	7	16	12	13	10	
	- Khối lớp 3	20	7	16	12	13	
	- Khối lớp 4	8	20	7	16	12	
	- Khối lớp 5	20	8	20	7	16	

### Cơ cấu khối công trình của nhà trường giai đoạn 2021-2025

Biểu số 02

TT	Nội dung	Năm học					Ghi chú
		2020-2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	
<b>1</b>	<b>Phòng hành chính quản trị</b>						
1.1	Hiệu trưởng	1	1	1	1	1	
1.2	Phó Hiệu trưởng	2	2	2	2	2	
1.3	Văn phòng	1	1	1	1	1	
1.4	Bảo vệ	2	2	2	2	2	
1.5	Nhà để xe giáo viên	1	1	1	1	1	
1.6	Nhà vệ sinh giáo viên	1	1	1	1	1	
<b>2</b>	<b>Phòng học</b>						
2.1	Tổng số	30	30	30	30	30	
	Kiên cố	30	30	30	30	30	
	Bán kiên cố						

	Phòng tạm						
2.2	Tỉ lệ phòng học/lớp	1/1	1/1	1/1	1/1	1/1	
<b>3</b>	<b>Phòng học bộ môn</b>						
3.1	Ngoại ngữ	1	1	1	1	1	
3.2	Tin học	1	1	1	1	1	
3.3	Âm nhạc	1	1	1	1	1	
3.4	Mĩ Thuật	1	1	1	1	1	
3.5	GDTC						
3.6	Khoa học công nghệ						
3.7	Đa chức năng						
<b>4</b>	<b>Khối phòng Hỗ trợ học tập</b>						
4.1	Thư viện	1	1	1	1	1	
4.2	Thiết bị giáo dục	1	1	1	1	1	
4.3	Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật	1	1	1	1	1	
4.4	Truyền thông						
4.5	Đội TNTP Hồ Chí Minh	1	1	1	1	1	
<b>5</b>	<b>Khối phòng phụ trợ</b>						
5.1	Phòng họp	1	1	1	1	1	
5.2	Y tế học đường	1	1	1	1	1	
5.3	Kho	3	3	3	3	3	
5.4	Nhà để xe học sinh	1	1	1	1	1	
5.5	Khu vệ sinh học sinh	2	2	2	2	2	
5.6	Phòng nghỉ giáo viên						
<b>6</b>	<b>Khối phục vụ sinh hoạt</b>						
6.1	Nhà bếp	1	1	1	1	1	
6.2	Kho bếp	1	1	1	1	1	
6.3	Nhà ăn						
6.4	Phòng nội trú						
6.5	Phòng quản lý học sinh						
6.6	Phòng sinh hoạt chung học sinh nội trú						
<b>7</b>	<b>Khu sân chơi</b>						
7.1	Diện tích	2550	2550	2550	2550	2550	
7.2	Đồ chơi ngoài trời	11	11	11	11	11	
<b>8</b>	<b>Khu thể dục thể thao (diện tích)</b>						
8.1	Diện tích	300	300	300	300	300	
8.2	Dụng cụ, Thiết bị vận động cho HS	5	5	5	5	5	



## Số lượng CBQL, GV, nhân viên giai đoạn 2021-2025

Biểu số 03

### a) Số liệu giáo viên, nhân viên

TT	Nội dung	Năm học					Ghi chú
		2020-2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	
<b>1</b>	<b>Tổng số CBQL, GV, NV</b>	56	58	58	58	58	
1.1	Giáo viên Tiếng Anh	4	4	4	4	4	
1.2	Giáo viên Tin học	1	1	1	1	1	
1.3	Giáo viên Âm nhạc	2	2	2	2	2	
1.4	Giáo viên Mỹ thuật	1	1	1	1	1	
1.5	Giáo viên Thể dục	2	2	2	2	2	
<b>2</b>	<b>Tỉ lệ GV/lớp</b>	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	
<b>3</b>	<b>Tổng số giáo viên dạy giỏi</b>	46	48	48	48	48	1TPTĐ
3.1	Giáo viên dạy giỏi cấp trường	46	48	48	48	48	
3.2	Giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương	15	15	15	15	15	
3.3	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	6	6	6	6	6	
<b>4</b>	<b>Tổng số nhân viên</b>	7	7	7	7	7	
4.1	Thư viện – Thiết bị	2	2	2	2	2	
4.2	Kế toán – Văn thư	2	2	2	2	2	
4.3	Y tế - Thủ quỹ	1	1	1	1	1	
4.4	Bảo vệ	2	2	2	2	2	
4.5	Nhân viên nấu ăn						

### b) Đảng viên, trình độ chuyên môn, LLCT, xếp loại chuẩn nghề nghiệp

Năm học	Tổng số	Đảng viên	Trình độ chuyên môn		Lý luận chính trị			Xếp loại chuẩn nghề nghiệp		
			Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Tốt	Khá	TB
2020-2021	56	46	47	0		7		42	7	0
2021-2022	58	48	48	0		7		47	5	0
2022-2023	58	48	51	0		7		47	5	0
2023-2024	58	49	50	1		7		48	4	0
2024-2025	58	50	50	1		7		48	4	0

## Kết quả công tác phổ cập GDTH giai đoạn 2021-2025

Biểu số 04

Nội dung	Năm học					Ghi chú
	2020-2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	
Tổng số học sinh 6 tuổi	208	235	163	186	151	
Huy động 6 tuổi học lớp 1	208	235	163	186	151	
Tỉ lệ	100%	100%	100%	100%	100%	
Tổng số học sinh 6 -10 tuổi	1009	1072	1051	1003	943	
Huy động 6-10 tuổi học tiểu học	1009	1072	1051	1003	943	
Tỉ lệ	100%	100%	100%	100%	100%	
Tổng số học sinh 11 tuổi	180	172	184	234	211	
Huy động 11 tuổi hoàn thành Chương trình tiểu học	180	172	184	234	211	
Tỉ lệ	100%	100%	100%	100%	100%	

## Thống kê chất lượng giáo dục giai đoạn 2021-2025

Biểu số 05

\* Đánh giá theo TT27/ 2020

Nội dung	Năm học					Ghi chú
	2020-2021 (Lớp 1)	2021 – 2022 (Lớp 1+2)	2022 – 2023 (Lớp 1+2+3)	2023 – 2024 (Lớp 1+2+3+4)	2024 – 2025 (Lớp 1+2+3+4+5)	
<b>I. Kết quả học tập</b>	245	486	726	971	1211	
<b>Toán</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Hoàn thành tốt</i>	224	446	688	934	1174	
<i>Hoàn thành</i>	20	40	38	37	37	
<i>Chưa hoàn thành</i>						
<b>Tiếng Việt</b>						
<i>Tổng số HS</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Hoàn thành tốt</i>	224	445	687	941	1174	
<i>Hoàn thành</i>	21	41	39	30	37	
<i>Chưa hoàn thành</i>						
<b>II. Năng lực</b>						
<b>* Năng lực chung</b>						
<b>1. Tự chủ và tự học</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	236	445	683	929	1183	
<i>Đạt</i>	9	41	43	42	28	

<i>Cần cố gắng</i>						
<b>2. Giao tiếp hợp tác</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	238	432	679	934	1182	
<i>Đạt</i>	7	54	47	37	29	
<i>Cần cố gắng</i>						
<b>3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	232	432	688	921	1175	
<i>Đạt</i>	13	54	38	50	36	
<i>Cần cố gắng</i>						
<b>* Năng lực đặc thù:</b>						
<b>1. Ngôn ngữ</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	240	445	686	920	1185	
<i>Đạt</i>	5	41	40	51	26	
<i>Cần cố gắng</i>						
<b>2. Tính toán</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	236	440	685	925	1185	
<i>Đạt</i>	9	46	41	46	26	
<i>Cần cố gắng</i>						
<b>3. Khoa học</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	238	455	670	940	1195	
<i>Đạt</i>	7	31	56	31	16	
<i>Cần cố gắng</i>						
<b>4. Thẩm mỹ</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	242	450	695	940	1185	
<i>Đạt</i>	3	36	31	31	26	
<i>Cần cố gắng</i>						
<b>5. Thể chất</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	242	440	695	940	1185	
<i>Đạt</i>	3	46	31	31	26	
<i>Cần cố gắng</i>						
<b>III. Phẩm chất</b>						
<b>1. Yêu nước</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Đạt</i>		0	0	0	0	

<i>Cần cố gắng</i>						
<b>2. Nhân ái</b>	245	486	726	971	1211	
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	245	0	0	0	0	
<i>Đạt</i>						
<i>Cần cố gắng</i>						
<b>3. Chăm chỉ</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	244	476	710	950	1190	
<i>Đạt</i>	1	10	16	21	21	
<i>Cần cố gắng</i>						
<b>4. Trung thực</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Đạt</i>		0	0	0	0	
<i>Cần cố gắng</i>						
<b>5. Trách nhiệm</b>						
<i>TS. học sinh</i>	245	486	726	971	1211	
<i>Tốt</i>	245	462	699	948	1200	
<i>Đạt</i>		24	27	23	11	
<i>Cần cố gắng</i>						

### Đánh giá theo TT 22 /2016

Nội dung	Năm học					Ghi chú
	2020-2021 (Lớp 2+3+4+5)	2021 – 2022 (Lớp 3+4+5)	2022 – 2023 (Lớp 4+5)	2023 – 2024 (Lớp 5)	2024 - 2025	
<b>I. Kết quả học tập</b>						
<b>Toán</b>						
<i>TS. học sinh</i>	1003	784	538	255	0	
<i>Hoàn thành tốt</i>	636	626	440	203	0	
<i>Hoàn thành</i>	367	158	98	52	0	
<i>Chưa hoàn thành</i>						
<b>Tiếng Việt</b>						
<i>Tổng số HS</i>	1003	784	538	255	0	
<i>Hoàn thành tốt</i>	628	628	443	207	0	
<i>Hoàn thành</i>	375	156	95	48	0	
<i>Chưa hoàn thành</i>						
<b>II. Năng lực</b>						
<b>1. Tự phục vụ tự quản</b>						
<i>TS. học sinh</i>						



Tốt	1003	784	538	255	0	
Đạt	911	755	505	235	0	
Cần cố gắng	92	29	33	20	0	
<b>2. Hợp tác</b>						
<i>TS. học sinh</i>						
Tốt	1003	784	538	255	0	
Đạt	880	755	516	239	0	
Cần cố gắng	123	29	22	16	0	
<b>3. Tự học và giải quyết vấn đề</b>						
<i>TS. học sinh</i>						
Tốt	1003	784	538	255	0	
Đạt	902	755	515	238	0	
Cần cố gắng	101	29	23	17	0	
<b>III. Phẩm chất</b>						
<b>1. Chăm học, chăm làm</b>						
<i>TS. học sinh</i>						
Tốt	1003	784	538	255	0	
Đạt	970	747	492	236	0	
Cần cố gắng	83	37	46	19	0	
<b>2. Tự tin, trách nhiệm</b>						
<i>TS. học sinh</i>						
Tốt	1003	784	538	255	0	
Đạt	956	745	499	235	0	
Cần cố gắng	47	39	39	20	0	
<b>3. Trung thực, kỷ luật</b>						
<i>TS. học sinh</i>						
Tốt	1003	784	538	255	0	
Đạt	982	770	530	246	0	
Cần cố gắng	21	14	8	9	0	
<b>4. Đoàn kết, yêu thương</b>						
<i>TS. học sinh</i>						
Tốt	1003	784	538	255	0	
Đạt	978	770	524	245	0	
Cần cố gắng	25	14	14	10	0	

